

Doanh nghiệp: **HOA SEN GROUP**

Mã chứng khoán: **HSG**

Địa chỉ: **9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD**

Mã số thuế: **3 7 0 0 3 8 1 3 2 4**

Tel: **0650.3790957**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2012
Từ 01-04-2012 đến 30-06-2012
(Báo cáo riêng)

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2011)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,987,490,942,361	3,202,392,720,114
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30,370,546,287	103,312,820,573
1	Tiền	111		30,370,546,287	103,312,820,573
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,975,059,008	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		3,975,059,008	-
2	DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,541,217,813,726	2,410,959,135,483
1	Phải thu khách hàng	131		699,493,453,088	528,254,445,790
2	Trả trước cho người bán	132		111,671,606,119	110,231,288,174
3	Phải thu nội bộ	133		680,751,177,797	1,521,432,344,981
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3	52,631,621,286	253,547,510,115
6	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3,330,044,564)	(2,506,453,577)
IV	Hàng tồn kho	140	V.4	211,256,072,328	521,170,037,515
1	Hàng tồn kho	141		211,256,072,328	521,170,037,515
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		200,671,451,012	166,950,726,543
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12,229,430,329	4,980,638,899
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		173,852,901,561	119,699,027,191
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.5	534,772,712	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		14,054,346,410	42,271,060,453
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,663,938,973,225	2,628,672,640,809
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		2,124,234,061,075	2,092,685,716,289
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1,830,836,612,707	1,442,150,239,422
	- Nguyên giá	222		2,114,224,999,209	1,685,436,839,605
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(283,388,386,502)	(243,286,600,183)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		56,945,455,966	-
	- Nguyên giá	225		56,945,455,966	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	211,432,508,860	213,362,665,641
	- Nguyên giá	228		220,918,698,551	220,905,131,051
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9,486,189,691)	(7,542,465,410)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	25,019,483,542	437,172,811,226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2011)
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		505,732,331,634	504,605,390,954
1	Đầu tư vào công ty con	251		446,276,000,000	446,276,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		44,456,331,634	44,456,331,634
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	15,000,000,000	15,000,000,000
4	DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	(1,126,940,680)
V	Tài sản dài hạn khác	260	V.14	33,972,580,516	31,381,533,566
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		27,088,801,318	25,447,025,097
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4,871,229,297	4,871,229,297
3	Tài sản dài hạn khác	268		2,012,549,901	1,063,279,172
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,651,429,915,586	5,831,065,360,923

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý III niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

Đvt: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-06-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2011)
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		2,991,198,457,794	3,991,463,317,422
I	Nợ ngắn hạn	310		2,203,704,584,888	3,361,097,861,297
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1,771,335,544,032	2,245,467,872,962
2	Phải trả người bán	312		350,007,840,272	1,037,406,935,420
3	Người mua trả tiền trước	313		17,016,590,216	22,152,340,092
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	35,515,512,228	15,791,140,820
5	Phải trả người lao động	315		4,703,230,272	3,602,500,133
6	Chi phí phải trả	316	V.17	3,920,809,351	23,468,249,194
7	Phải trả nội bộ	317		-	1,500,000,000
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	14,655,059,018	3,762,364,566
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6,549,999,499	7,946,458,110
II	Nợ dài hạn	330		787,493,872,906	630,365,456,125
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	786,711,455,406	629,061,213,625
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		782,417,500	1,304,242,500
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,660,231,457,792	1,839,602,043,501
	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1,660,231,457,792	1,839,602,043,501
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,007,907,900,000	1,007,907,900,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		451,543,290,363	451,543,290,363
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(54,635,151,782)	(28,588,182,845)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		8,525,313,060	8,525,313,060
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		246,890,106,151	400,213,722,923
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,651,429,915,586	5,831,065,360,923

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số cuối kỳ (30-06-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2011)
1	Tài sản thuê ngoài			
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4	Nợ khó đòi đã xử lý			
5	Ngoại tệ các loại			
	- Đồng đô la Mỹ	V.1	795,836.95	12,994.72
	- Đồng Euro	V.1	221.02	219.35
	- Đồng đô la Úc	V.1	84.78	
6	Dự toán chi hoạt động			


Ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Trần Công Tiến


Nguyễn Thị Ngọc Lan



TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Báo cáo riêng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

Mẫu số B 02 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

STT	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/04/2012- 30/06/2012	Lũy kế từ 01/10/2011 - 30/06/2012	Kỳ trước (01/04/2011 - 30/06/2011)	Lũy kế từ 01/10/2010 - 30/06/2011
1.	01	VI.1	3,406,650,545,017	11,197,564,256,337	2,757,986,457,583	8,479,189,454,002
2.	02	VI.2	645,098,239	4,725,504,719	642,005,668	4,637,697,402
3.	10	VI.3	3,406,005,446,778	11,192,838,751,618	2,757,344,451,915	8,474,551,756,600
4.	11	VI.4	3,276,661,254,737	10,788,485,456,909	2,667,844,083,411	8,174,735,329,317
5.	20	VI.5	129,344,192,041	404,353,294,709	89,500,368,504	299,816,427,283
6.	21	VI.6	2,310,902,400	37,400,556,575	3,443,441,359	64,013,468,265
7.	22	VI.7	75,677,374,482	330,663,088,502	85,721,436,821	365,293,910,704
8.	23	VI.8	69,833,754,544	269,078,815,983	79,220,868,826	208,831,160,184
9.	24	VI.9	43,755,316,355	132,255,816,387	32,555,425,108	95,602,501,360
10.	25	VI.10	27,207,338,847	84,169,699,882	24,633,632,394	65,018,657,993
11.	30	VI.11	(14,984,935,243)	(105,334,753,487)	(49,966,684,460)	(162,085,174,509)
12.	31	VI.12	4,053,069,109	22,336,791,629	83,189,197,918	177,889,151,486
13.	32	VI.13	3,622,844,829	11,520,275,064	72,018,280,057	154,809,764,913
14.	40	VI.14	430,224,280	10,816,516,565	11,170,917,861	23,079,386,573
15.	50	VI.15	(14,554,710,963)	(94,518,236,922)	(38,795,766,599)	(139,005,787,936)
16.	51	VI.16	-	6,721,464,657	5,185,646,775	10,176,611,431
17.	60	VI.17	(14,554,710,963)	(101,239,701,579)	(43,981,413,374)	(149,182,399,367)
18.	70	VI.18	-	-	-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Mau

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Mau

Ngày 20 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Công Viên

Nguyễn Chi Ngọc Lan

Ghi chú: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chi tiêu và "Mã số".

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Báo cáo riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

Mẫu số B 03 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu	MS	TM	Kỳ này (01/10/2011- 30/06/2012)	Kỳ trước (01/10/2010- 30/06/2011)
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		(94,518,236,922)	(139,005,787,936)
2 Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		50,383,354,398	49,864,953,788
Các khoản dự phòng	03		(303,349,693)	1,898,797,338
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	04		(1,735,566,404)	252,944,592,958
Thu nhập tiền lãi & cổ tức	05		(3,313,857,259)	
Chi phí lãi vay	06		269,078,815,983	208,831,160,184
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		219,591,160,103	374,533,716,332
Tăng giảm các khoản phải thu	09		838,899,175,881	1,187,637,566
Tăng giảm hàng tồn kho	10		309,913,965,187	239,862,432,047
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(670,937,243,402)	(86,759,756,368)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(6,211,498,922)	4,629,373,514
Tiền lãi vay đã trả	13		(277,036,907,260)	(211,308,467,184)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10,694,482,321)	(4,999,974,973)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,826,452,691)	(1,472,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		397,697,716,575	315,672,160,934
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(31,025,167,148)	(730,837,201,222)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2,886,325,683	87,062,000
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1,041,786,676)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,313,857,259	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24,824,984,206)	(731,791,925,898)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(26,046,968,937)	(28,016,088,845)
3 Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		4,873,151,563,004	4,220,730,827,862
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,227,464,763,907)	(3,709,892,489,213)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(16,905,246,290)	
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48,549,590,525)	(50,156,649,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(445,815,006,655)	432,665,600,804
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(72,942,274,286)	16,545,835,840
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		103,312,820,573	11,144,315,610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		30,370,546,287	27,690,151,450

Ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan



**TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC CHU**

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 21 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Đến thời điểm 30/06/2012, Công ty đã có 108 chi nhánh, 1 văn phòng đại diện và đầu tư vào 3 công ty con

- 1 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Nam
- 2 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trảng Bàng
- 3 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đắk Lắk
- 4 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Kontum
- 5 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cam Ranh
- 6 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chơn Thành
- 7 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Diên Khánh
- 8 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bồng Sơn
- 9 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Thạnh
- 10 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đà Nẵng
- 11 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Rang
- 12 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy Phước
- 13 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cần Thơ
- 14 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại An Khê
- 15 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Nội
- 16 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Gia Nghĩa
- 17 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Long Khánh
- 18 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Tân
- 19 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại An Biên
- 20 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Pleiku
- 21 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Buôn Hồ
- 22 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Nghệ An
- 23 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy An
- 24 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trà Vinh
- 25 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phụng Hiệp
- 26 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại thị xã Vĩnh Long
- 27 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy Hòa
- 28 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Rí
- 29 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Thuận

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 30 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Long Xuyên
- 31 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cái Bè
- 32 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- 33 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cà Mau
- 34 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vũng Liêm
- 35 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hồng Ngự
- 36 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Thành
- 37 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vị Thanh
- 38 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cao Lãnh
- 39 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sóc Trăng
- 40 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đức Trọng
- 41 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Rạch Giá - Kiên Giang
- 42 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Ngãi
- 43 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đức Linh - Bình Thuận
- 44 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thủ Thừa - Long An
- 45 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Đốc
- 46 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bình Minh - Vĩnh Long
- 47 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Tre
- 48 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bình Chánh
- 49 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thủ Dầu Một
- 50 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Năm Căn
- 51 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bạc Liêu
- 52 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thống Nhất
- 53 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quận 9
- 54 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phù Cát
- 55 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phù Mỹ
- 56 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Thành
- 57 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Kiên Lương
- 58 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Tĩnh
- 59 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Huế
- 60 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chợ Mới
- 61 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Định Quán - Đồng Nai
- 62 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thốt Nốt
- 63 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tri Tôn - An Giang
- 64 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sơn La
- 65 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Phú - Đồng Nai
- 66 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tam Nông - Đồng Tháp

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

-
- 67 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Gò Dầu - Tây Ninh
 - 68 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Thành - Bến Tre
 - 69 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Cát - Bình Dương
 - 70 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Krông Pak - Đắk Lắk
 - 71 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hàm Tân
 - 72 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Xuyên Mộc
 - 73 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thanh Hóa
 - 74 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Thạnh
 - 75 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Earka
 - 76 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Dakmil
 - 77 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Thiết
 - 78 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Ninh Bình
 - 79 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cái Răng
 - 80 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hòa Bình
 - 81 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phước Long - Bình Phước
 - 82 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Giáo
 - 83 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Ninh
 - 84 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sơn Hòa - Phú Yên
 - 85 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Yên Bái
 - 86 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen - Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
 - 87 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
 - 88 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Thọ
 - 89 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Nam
 - 90 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Ngọc Hồi
 - 91 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bim Sơn
 - 92 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hưng Yên
 - 93 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Nam Định
 - 94 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Bình
 - 95 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Trị
 - 96 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cư Jút
 - 97 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hải Phòng
 - 98 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thái Bình
 - 99 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chư Sê - Gia Lai
 - 100 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Phúc
 - 101 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bắc Kạn
 - 102 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Diên Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 103 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Giang
- 104 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Mỹ Hòa - An Giang
- 105 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Lức - Long An
- 106 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thái Nguyên
- 107 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trảng Bom - Đồng Nai
- 108 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tây Ninh

- CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, T.Bình Dương

- CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, T.Bình Dương

- CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	1,007,907,900,000 VNĐ
Số lượng cổ phiếu	100,790,790 cổ phiếu

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại

3- Ngành nghề kinh doanh

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình
Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

chuẩn ghi nhận sau:

- (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- (c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- (d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời

- Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
- Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)

Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau :

- Nhà xưởng, vật kiến trúc 06 - 40 năm
- Máy móc thiết bị 06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý 03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác 03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất 07 - 48 năm
- Phần mềm kế toán, quản lý 3 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có gian sử dụng trên một năm

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá qui định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau :
 - (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
 - (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
 - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :
 - (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia
Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên , ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu
 - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
 - Các khoản thu khác

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 17% và 7% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	30/06/2012	01/10/2011
1- Tiền		
- Tiền mặt	171,578,000	231,928,000
- Tiền gửi ngân hàng	30,198,968,287	103,080,892,573
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	30,370,546,287	103,312,820,573
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	30/06/2012	01/10/2011
- Đầu tư ngắn hạn khác	3,975,059,008	-
Cộng	3,975,059,008	-
3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2012	01/10/2011
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao		
- Các khoản phải thu khác:	52,631,621,286	253,547,510,115
Cộng	52,631,621,286	253,547,510,115
4- Hàng tồn kho	30/06/2012	01/10/2011
- Hàng mua đang đi trên đường	-	296,307,050,477
- Nguyên liệu, vật liệu	37,977,254,126	63,992,922,303
- Công cụ, dụng cụ	21,206,841,477	23,495,821,281
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	124,612,600,369	136,879,205,351
- Hàng hóa	27,459,376,356	495,038,103
- Hàng gửi đi bán		
Cộng giá	211,256,072,328	521,170,037,515
- Dự phòng giảm giá	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:		
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
5- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30/06/2012	01/10/2011
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	515,437,565	
- Các khoản khác phải thu nhà nước	19,335,147	
Cộng	534,772,712	-
6- Các khoản phải thu dài hạn nội bộ	30/06/2012	01/10/2011
+ Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Mẫu số B 09 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Cho vay nội bộ		
+ Phải thu nội bộ khác	680,751,177,797	1,521,432,344,981
7- Phải thu dài hạn khác	30/06/2012	01/10/2011
- Ký quỹ ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	-	-

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	MMTB	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu						
Số dư đầu kỳ	489,733,019,529	1,534,562,352,130	33,877,576,543	2,057,819,434	304,609,882	2,060,535,377,518
* Mua trong kỳ	199,893,816	1,232,272,727				1,432,166,543
* Đầu tư XDCB hoàn thành	5,360,467,570	48,843,613,802				54,204,081,372
* Tăng khác						-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	(600,000,000)	(1,346,626,224)				(1,946,626,224)
* Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	494,693,380,915	1,583,291,612,435	33,877,576,543	2,057,819,434	304,609,882	2,114,224,999,209
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	51,612,533,733	197,368,282,433	17,619,159,320	1,532,105,427	263,254,094	268,395,335,007
* Khấu hao trong kỳ	3,747,816,140	11,099,471,861	1,000,641,860	62,305,545	4,809,663	15,915,045,069
* Tăng khác						-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	(147,177,419)	(774,816,155)				(921,993,574)
* Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	55,213,172,454	207,692,938,139	18,619,801,180	1,594,410,972	268,063,757	283,388,386,502
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
* Tại ngày đầu kỳ	438,120,485,796	1,337,194,069,697	16,258,417,223	525,714,007	41,355,788	1,792,140,042,511
* Tại ngày cuối kỳ	439,480,208,461	1,375,598,674,296	15,257,775,363	463,408,462	36,546,125	1,830,836,612,707

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	MMTB	Phương tiện VT, truyền	Thiết bị dụng cụ	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC					
Số dư đầu kỳ	56,945,455,966				56,945,455,966
- Thuê tài chính trong kỳ					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	56,945,455,966	-	-	-	56,945,455,966
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ					-
- Khấu hao trong kỳ					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài					-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại của TSCĐ					-
- Tại ngày đầu kỳ	56,945,455,966				56,945,455,966
- Tại ngày cuối kỳ	56,945,455,966	-	-	-	56,945,455,966

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm ;
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	219,528,224,817			1,390,473,734		220,918,698,551
* Mua trong kỳ						-
* Tạo ra từ nội bộ doanh						-
* Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
* Tăng khác						-
* Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	219,528,224,817	-	-	1,390,473,734	-	220,918,698,551
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu kỳ	7,982,729,667			850,542,718		8,833,272,385
* Khấu hao trong kỳ	595,311,675			57,605,631		652,917,306
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	8,578,041,342	-	-	908,148,349	-	9,486,189,691
Giá trị còn lại của TSCĐVH						-
* Tại ngày đầu kỳ	211,545,495,150	-	-	539,931,016	-	212,085,426,166
* Tại ngày cuối kỳ	210,950,183,475	-	-	482,325,385	-	211,432,508,860

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 04 “ TSCĐ vô hình”

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2012	01/10/2011
11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
- Chi phí XD CB dở dang		
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Mua sắm MMTB tại các chi nhánh Hoa Sen Group	8,575,475,991	346,652,866,467
+ Xây dựng tại các chi nhánh Hoa Sen Group	14,672,583,982	90,366,415,860
+ Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1,771,423,569	153,528,899
Cộng	25,019,483,542	437,172,811,226
13- Đầu tư dài hạn khác:		
+ Đầu tư vào công ty con	446,276,000,000	446,276,000,000
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	44,456,331,634	44,456,331,634
+ Đầu tư dài hạn khác	15,000,000,000	15,000,000,000
+ Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(1,126,940,680)
Cộng	505,732,331,634	504,605,390,954
14- Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Khác	27,088,801,318	25,447,025,097
Cộng	27,088,801,318	25,447,025,097
15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	1,736,751,296,898	2,058,178,693,714
- Vay dài hạn đến hạn trả	34,584,247,134	187,289,179,248
Cộng	1,771,335,544,032	2,245,467,872,962
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	35,109,816,081	10,340,205,509
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,457,580,099
- Các loại thuế khác	405,696,147	1,993,355,212
Cộng	35,515,512,228	15,791,140,820
17- Chi phí phải trả		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Khác	3,920,809,351	23,468,249,194
Cộng	3,920,809,351	23,468,249,194

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2012	01/10/2011
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Bảo hiểm y tế	3,456,450	2,771,100
- Bảo hiểm xã hội	-	627,785,400
- Kinh phí công đoàn	128,982,600	224,405,400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14,522,619,968	2,907,402,666
Cộng	14,655,059,018	3,762,364,566
19- Phải trả dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		
Cộng	-	-
20- Các khoản vay và nợ dài		
a- Vay dài hạn	625,140,344,449	563,441,757,625
- Vay ngân hàng	625,140,344,449	563,441,757,625
b- Nợ dài hạn	161,571,110,957	65,619,456,000
- Thuê tài chính	39,688,310,957	-
- Nợ dài hạn	121,882,800,000	65,619,456,000
Cộng	786,711,455,406	629,061,213,625

* Các khoản nợ thuê tài chính

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	14,093,554,587	6,021,355,827	8,072,198,760	11,168,952,138	7,132,852,758	4,036,099,380
Từ 1-5 năm	42,205,744,119	10,589,631,922	31,616,112,197	45,684,758,659	13,395,963,619	32,288,795,040
Trên 5 năm	-			5,417,071,738	35,605,511	5,381,466,227

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5	6	8	9
Số dư đầu năm trước (01/10/2010)	1,007,907,900,000	451,543,290,363	(572,094,000)	21,447,090,156	-	8,525,313,060	-	117,602,992,941
- Tăng vốn trong năm trước								
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								322,089,249,401
- Mua cổ phiếu ngân quỹ			(28,016,088,845)					(50,156,649,000)
- Chia Cổ tức năm trước								(10,768,960,575)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(21,447,090,156)				21,447,090,156
- Giảm khác								
Số dư cuối năm trước (30/09/2011)	1,007,907,900,000	451,543,290,363	(28,588,182,845)	-	-	8,525,313,060	-	400,213,722,923
Số dư đầu kỳ này (01/10/2011)	1,007,907,900,000	451,543,290,363	(28,588,182,845)	-	-	8,525,313,060	-	400,213,722,923
- Tăng trích lập trong kỳ							2,078,816,479	
- Lợi nhuận chi nhánh chuyển về								
- Mua cổ phiếu ngân quỹ			(26,046,968,937)					
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này								
- Tăng khác								
- Giảm trong kỳ								
- Chia cổ tức								
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi								
Số dư cuối kỳ này (30/06/2012)	1,007,907,900,000	451,543,290,363	(54,635,151,782)	-	-	8,525,313,060	-	246,890,106,151

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	1,007,907,900,000			1,007,907,900,000		
- Thặng dư vốn cổ phần						
Cộng						

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

30/06/2012

01/10/2011

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1,007,907,900,000	1,007,907,900,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	1,007,907,900,000	1,007,907,900,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	49,031,629,000	-

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này (từ 01-04-12 đến 30-06-12)	Kỳ trước (từ 01-04-11 đến 30-06-11)
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	3,406,650,545,017	2,757,986,457,583
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	3,406,620,726,835	2,757,966,679,998
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	29,818,182	19,777,585
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng		
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	645,098,239	642,005,668
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại	645,098,239	642,005,668
+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		
+ Thuế xuất khẩu		
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,406,005,446,778	2,757,344,451,915
Trong đó: + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	3,405,975,628,596	2,757,324,674,330
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	29,818,182	19,777,585

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III Niên độ 2012

Mẫu số B 09 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-04-2012 đến 30-06-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Kỳ này (từ 01-04-12 đến 30-06-12)	Kỳ trước (từ 01-04-11 đến 30-06-11)
28- Giá vốn hàng bán	3,276,661,254,737	2,667,844,083,411
29- Doanh thu hoạt động tài chính	2,310,902,400	3,443,441,359
30- Chi phí tài chính		
* Lãi vay	69,833,754,544	79,220,868,826
* Chênh lệch tỷ giá	5,843,619,938	6,500,567,995
Cộng	75,677,374,482	85,721,436,821
31- Chi phí thuế TNDN		5,185,646,775
32- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
33- Chi phí hoạt động kinh doanh		
33.1 Chi phí bán hàng	43,755,316,355	32,555,425,108
33.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,207,338,847	24,633,632,394
33.3 Chi phí khác	3,622,844,829	72,018,280,057

VIII- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước):

Các nguyên nhân

3- Những thông tin khác:

Ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan



TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC CHU